

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/DS-PT

Ngày 26 - 3 - 2019

V/v tranh chấp tiền vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp tiền vay.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1987; cư trú tại: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Chị Huỳnh Thị Ánh H (tên gọi khác là Út), sinh năm 1978 (vắng mặt)

2. Anh Đỗ Văn Bảo Q, sinh năm 1978

Cùng cư trú tại: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Đỗ Văn Bảo Q: Anh Phạm Hữu H1, sinh năm 1984; cư trú tại: Số 05A, ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Văn Bảo Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày: Từ ngày 29/10/2016 chị T có cho chị Huỳnh Thị Ánh H vay nhiều lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng, chị H có viết giấy nhận nợ ngày 29/10/2016, quá trình vay chị H chỉ trả được số tiền 4.200.000 đồng, số tiền còn lại là 95.800.000 đồng chị H không trả cho đến nay. Khi vay, chị H có giao cho chị T 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 239, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.690m², đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Đỗ Văn Bảo Q và chị Huỳnh Thị Ánh H ngày 08/9/2014. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Huỳnh Thị Ánh H và anh Đỗ Văn Bảo Q có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền vốn còn nợ 95.800.000 đồng, chị T không yêu cầu tính lãi trong thời gian giao dịch nhưng yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Ánh H và anh Đỗ Văn Bảo Q trình bày: Chị H thống nhất với lời trình bày của chị T về số tiền nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng thanh toán cho chị T, đối với khoản vay này anh Q là chồng chị H hoàn toàn không biết, chỉ có một mình chị H đứng ra vay với chị T. Khi vay chị H có giao cho chị T 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 239, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.690m², đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy cho Đỗ Văn Bảo Q và chị Huỳnh Thị Ánh H ngày 08/9/2014. Chị T đồng ý tự trả số tiền còn nợ là 95.800.000 đồng. Anh Q khẳng định không có vay mượn tiền gì của chị T, không có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào cho chị T, việc vay mượn tiền là do chị H tự ý đứng ra vay và tự ý lấy bằng khoán đất cầm cố cho chị T. Anh Q yêu cầu xem xét không buộc trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay trên của chị H.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T đối với chị Huỳnh Thị Ánh H và anh Đỗ Văn Bảo Q về việc tranh chấp tiền vay.

Buộc chị Huỳnh Thị Ánh H và anh Đỗ Văn Bảo Q có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lê Thị Thanh T số tiền vay vốn 95.800.000 đồng

Buộc chị Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ giao trả cho chị Huỳnh Thị Ánh H và anh Đỗ Văn Bảo Q 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 239, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.690m² đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp cho anh Đỗ Văn Bảo Q, chị Huỳnh Thị Ánh H ngày 08/9/2014.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất, Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 12 năm 2018, bị đơn anh Đỗ Văn Bảo Q kháng cáo bản án 40/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, anh Q không đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả số tiền vay của chị Lê Thị Thanh T 100.000.000 đồng và yêu cầu chị T trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Q.

Ngày 21 tháng 01 năm 2018, bị đơn anh Đỗ Văn Bảo Q kháng cáo bổ sung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; triệu tập ông Đào Minh N để làm rõ số tiền vay 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Hữu H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[2] Xét kháng cáo của anh Đỗ Văn Bảo Q không đồng ý cùng có trách nhiệm với chị Huỳnh Thị Ánh H trả số tiền nợ vay của chị Lê Thị Thanh T 100.000.000 đồng đồng thời yêu cầu hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Thấy rằng:

[3] Ngày 05/7/2018, chị T khởi kiện yêu cầu chị H và anh Q trả tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Tại biên bản giao giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện (bút lục số 16), thể hiện cán bộ Tòa giao cho chị T vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 05/7/2018, tuy nhiên tại biên bản giao Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí (bút lục số 18), thể hiện Tòa án giao Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí lúc 08 giờ ngày 05/7/2018, điều này thể hiện Tòa án thụ lý đơn khởi kiện trước khi chị T nộp đơn, vi phạm Điều 191, Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự (chưa nhận đơn đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí).

[4] Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2018 (bút lục 02), chị T yêu cầu chị H và anh Q trả tiền vốn là 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Tuy nhiên, theo thông báo thụ lý (bút lục số 21), Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị T yêu cầu

chị H và anh Q trả tiền vốn 95.800.000 đồng là vi phạm điểm d khoản 2 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Tại biên bản ghi lời khai của chị H (bút lục số 29) và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ (bút lục số 32) cùng lập lúc 08 giờ ngày 11/7/2018. Biên bản hòa giải (bút lục 34) lập lúc 10 giờ và kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày 11/7/2018 và biên bản tổng đạt biên bản hòa giải thành là 10 giờ 30 phút ngày 11/7/2018 (bút lục số 36). Các biên bản trên lập cùng thời điểm nên Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm Điều 98, Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, biên bản giao biên bản hòa giải thành (bút lục số 36), biên bản giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí (bút lục 18) có sự chỉnh sửa về ngày giao nhưng không được người nhận ký tên xác nhận.

[6] Tại đơn yêu cầu thay đổi ý kiến của chị H (bút lục số 37) là bản photocopy nên không có giá trị pháp lý, không được xem là chứng cứ theo Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, biên bản nhận đơn trên (bút lục số 38) thể hiện Tòa án nhận đơn trong một thời gian dài từ 13 giờ 30 phút đến 15 giờ 50 phút ngày 18/7/2018 và trùng thời điểm với Biên bản về việc rút đơn yêu cầu (bút lục số 39) lập lúc 15 giờ 30 phút ngày 18/7/2018.

[7] Biên bản hòa giải ngày 11/7/2018 (bút lục số 33): Chị T yêu cầu chị H trả vốn 95.800.000 đồng và chị T đã đạt được thỏa thuận cùng chị H là chị H tự trả nợ còn chị T trả chị H và anh Q giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản hòa giải này, chị T và cả chị H không trình bày yêu cầu gì đối với anh Q. Ngày 18/7/2018, nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu Tòa án không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận (bút lục số 41), chị T yêu cầu chị H và anh Q cùng trả gốc là 100.000.000 đồng và lãi theo quy định. Tại các biên bản hòa giải thì các đương sự ghi nhận nợ gốc chị H đã trả được 4.200.000 đồng còn nợ là 95.800.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải lại đối với sự thay đổi yêu cầu của nguyên đơn mà ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngay là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Q, vi phạm Điều 205 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[8] Tại biên bản phiên tòa ngày 24/10/2018 (bút lục số 46), thể hiện chị T có mặt; chị H, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng Tòa án lại ra Quyết định hoãn phiên tòa (bút lục số 47), lý do hoãn phiên tòa do chị H, anh Q vắng mặt không có lý do chính đáng. Đồng thời, tại biên bản giao quyết định hoãn (bút lục số 50) thì lại giao cho chị H tại Tòa án cùng ngày 24/10/2018 (không có giờ giao). Như vậy, có sự mâu thuẫn trong các văn bản này, cụ thể là ngày 24/10/2018, hồ sơ không có đơn xin vắng mặt của chị H, anh Q và thực tế là ngày 24/10/2018 chị H có mặt tại Tòa là có mặt lúc nào. Ngày 14/11/2018, anh Q mới có đơn xin vắng mặt (bút lục 53), không có biên bản về việc nhận đơn của anh Q. Hơn nữa, đến ngày 16/11/2018, biên bản phiên tòa (bút lục số 57) và bản án

sơ thẩm thể hiện anh Q vắng mặt nhưng lại có phần trình bày của anh Q trong biên bản phiên tòa là vi phạm Điều 236 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T xác định chị H vay 03 lần: Lần thứ nhất vay 10.000.000 đồng, lần thứ hai vay 20.000.000 đồng, lần thứ ba vay 70.000.000 đồng (cách lần vay thứ hai là 02 tháng); hai bên thỏa thuận lãi suất là 10.000.000 đồng thì 01 ngày trả lãi 200.000 đồng. Tại Đơn yêu cầu thay đổi ý kiến ngày 18/7/2018 (bút lục số 37), chị H xác định ngày 10/3/2016 chị nhờ anh Đào Minh N vay 10.000.000 đồng, lãi 6%/tháng, 05 ngày anh Nhật nhận lãi 01 lần với số tiền 1.000.000 đồng, anh N nhận lãi được 02 tháng, đồng thời chị H vay thêm 10.000.000 đồng thì anh N kêu gấp chị T lấy tiền, lúc đó chị H mới biết số tiền vay 20.000.000 đồng là của chị T. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ từng lần vay, số tiền vay và mức lãi suất thỏa thuận, thời hạn trả lãi, thời hạn trả vốn, ai là người hỏi vay tiền; ai là người nhận tiền vay; có hay không sự việc anh N nhận tiền lãi của chị H; số tiền lãi chị T đã nhận của chị H; số tiền Tòa buộc chị H và anh Q trả cho chị T 95.800.000 đồng là vốn hay có cả vốn và lãi, số tiền vay chị H sử dụng vào mục đích gì là thiếu sót.

[10] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Về nội dung thì chưa làm rõ các tình tiết vụ án. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Văn Bảo Q, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm anh Đỗ Văn Bảo Q không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: anh Đỗ Văn Bảo Q không phải chịu. Anh Đỗ Văn Bảo Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0012586 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại đủ.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND tx. G (01 bản);
- CCTHADS tx. G (01 bản);
- Các đương sự (03 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Cao Thị Túy Giang